

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Bích T, sinh năm 1975 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp C, thị trấn C, huyện P, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Trần Hữu L, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp C, thị trấn C, huyện P, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Bích T trình bày: Bà và ông Trần Hữu L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh C vào năm 2019. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt do ông L thường xuyên vắng nhà, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 02 năm 2020 đến nay. Bà xét thấy không thể cùng nhau chung sống được nữa nên bà yêu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trần Hữu L. Trong quá trình chung sống bà và ông L có 02 người con chung

tên là Trần Kim Ch, sinh năm 1994 và Trần Kim Tr, sinh năm 2000, cả hai người con hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Hữu L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Trần Bích T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Bích T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Hữu L. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Hữu L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Hữu L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Bích T và ông Trần Hữu L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh C nên hôn nhân của bà T và ông L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà T giữ yêu cầu ly hôn với ông L vì cho rằng không còn thương yêu ông L. Ông L không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Bích T ly hôn với ông Trần Hữu L.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung tên là Trần Kim Ch, sinh năm 1994 và Trần Kim Tr, sinh năm 2000, cả hai người con hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà T, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu 300.000đ, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Bích T và ông Trần Hữu L.

Về án phí: Bà Trần Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019824 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bà Trần Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Hữu L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn C, huyện P, tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều